

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 7 - 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Trinh

Ông Phạm Thanh Tương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Không

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G

Sinh ngày: 04 – 4 – 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T

Sinh ngày: 17 – 12 – 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong các bản khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị G đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tiến T tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 05 – 10 – 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống trong gia đình bố mẹ chồng được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị G là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, trầm trọng hơn khi anh T đi xuất khẩu lao động về nghe lời bố mẹ cho rằng chị lười nhác rồi đánh đập và đuổi chị G ra khỏi nhà. Mặc dù chị G đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng anh T vẫn nhiều lần đuổi chị G ra khỏi nhà nên từ cuối năm 2014 chị G đã phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị G không còn tình cảm với anh T và yêu cầu được ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung là cháu: Nguyễn Thị H – Sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu H sống với anh T và ông bà nội của cháu. Chị G có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T phải đóng góp cho chị mỗi tháng 2.000.000đ để nuôi con.

Hiện tại vợ chồng anh chị không nợ ai.

Về tài sản chung, chị G không yêu cầu Tòa án phân chia.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị G đã giao nộp các tài liệu chứng cứ gồm Đăng ký kết hôn, bản sao Chứng minh thư nhân dân của chị G, bản sao Sổ hộ khẩu gia đình chị G và anh T, trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Thị H. Các tài liệu, chứng cứ này đều phù hợp với lời trình bày của chị G.

Bị đơn là anh Nguyễn Tiến T đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến, khai báo, cung cấp các tài liệu, chứng cứ; tiếp cận, công khai các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tham gia hòa giải và xét xử. Tuy nhiên, anh T bất hợp tác, không đến; không đưa ra bất kỳ ý kiến và không giao nộp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào. Theo chị G thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án một thời gian, anh T đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài không thông báo lại địa chỉ nơi ở mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Tiến T cư trú tại Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh nhận được đơn khởi kiện và thụ lý vụ án, anh Thọ vẫn có mặt tại nơi cư trú, vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không phải ủy thác tư pháp ra nước ngoài, cho nên Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Theo chị G thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh T đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, căn cứ quy định tại Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Anh T đã được tổng

đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến, khai báo, cung cấp các tài liệu, chứng cứ; tiếp cận, công khai các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tham gia hòa giải và xét xử. Tuy nhiên, anh T bất hợp tác, không đến, không đưa ra bất kỳ ý kiến và không giao nộp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào. Đến nay anh T đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về tình cảm: Việc vợ chồng chị G – anh T sống ly thân từ năm 2014 là sự kiện ai cũng biết. Nay chị G vì không còn tình cảm mà yêu cầu được ly hôn với anh T. Còn anh T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng anh T không đến, chứng tỏ anh T cũng đã không còn quan tâm, không muốn cứu vãn hôn nhân giữa anh và chị G nữa. Hai bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, cùng chung sống của vợ chồng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị G và anh T do đó đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ để xử cho chị G ly hôn với anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con: Căn cứ vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu gia đình và lời khai của chị G đủ cơ sở xác định vợ chồng có 01 con là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013.

Anh T hiện nay không có mặt tại nơi cư trú để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà để lại cho ông bà nội chăm sóc. Do đó chị G mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là chính đáng. Mặt khác cháu H là cháu gái và còn rất nhỏ tuổi, cần sự quan tâm, gần gũi của người mẹ. Cho nên để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu, Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị G, giao cháu H cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Anh T không trực tiếp nuôi con, do đó để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy con chung, anh T phải đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung cho chị G theo quy định tại các Điều 107, 109, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình, mức đóng góp là 1.000.000đ/tháng, phù hợp với khả năng đóng góp của anh T và nhu cầu nuôi dưỡng cháu H. Trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì phải chịu lãi suất đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất là 10%/năm theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4]. Về tài sản chung: Cả chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Tiến T đều không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị G là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Anh Nguyễn Tiến T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị G có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273, Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a Khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 109, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị G về việc ly hôn anh Nguyễn Tiến T;

- Giao cháu Nguyễn Thị H – Sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Tòa án.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tiến T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị G mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Trường hợp anh Nguyễn Tiến T chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị G thì phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Anh Nguyễn Tiến T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị G và các thành viên trong gia đình chị G không được ngăn cấm, cản trở.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005181 ngày 11 – 01 – 2018. Tiền án phí chị G đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Tiến T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Thị G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tiến T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn: Chị G;
- Bị đơn: Anh T;
- VKS huyện Kỳ Anh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Tùng